

Số: /2025/QĐ-UBND
(Dự thảo)

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi
có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 114/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 267/2016/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số...../TTr-STP ngày/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày...tháng ... năm 2025 và thay thế Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09 ngày 10 tháng 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thái Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tư pháp; Công an tỉnh; Tài chính; Y tế; Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Các cơ sở nuôi dưỡng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra và quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trung tâm thông tin – Hội nghị tỉnh ;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Dự thảo)

**QUY CHẾ
PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH**

Về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Sở Y tế; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính; Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

3. Các cơ sở nuôi dưỡng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

2. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

3. Đảm bảo tính chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp liên ngành.

3. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

**Chương II
NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT
VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Điều 4. Phối hợp trong việc lập Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi ngay sau khi nhận được thông báo từ người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi hoặc Thủ trưởng cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ và phải được người lập, những người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát hiện trẻ em bị bỏ rơi; đặc điểm nhận dạng của trẻ em như: giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe; tài sản hoặc đồ vật khác của trẻ (nếu có); họ tên, giấy tờ tùy thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi.

b) Tìm người hoặc tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Nếu có cá nhân, gia đình cư trú tại địa bàn của xã, phường đăng ký nhận chăm sóc thay thế trẻ em thì lựa chọn gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế, quyết định giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em. Trường hợp trên địa bàn xã, phường không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế hoặc tạm thời nuôi dưỡng trẻ em thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong 07 ngày liên tục về việc trẻ em bị bỏ rơi theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch.

d) Thông báo cho cá nhân, tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em khi hết thời hạn niêm yết, không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ.

2. Công an xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

Tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi ngay sau khi nhận được thông báo từ người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh đúng theo quy định của pháp luật đối với trẻ em sinh ra và bị bỏ rơi tại cơ sở y tế để tránh tình trạng làm giả hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi.

b) Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo về việc trẻ em bị bỏ rơi cho cơ quan có thẩm quyền sau khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi tại cơ sở y tế.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tình trạng nhân thân của trẻ em bị bỏ rơi theo hồ sơ ban đầu tại cơ sở y tế.

Điều 5. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi**1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:**

a) Định kỳ 06 tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

b) Nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

c) Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ trẻ em gửi Sở Tư pháp để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 06/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; khoản 1 Điều 10 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng:

a) Đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

b) Lập hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12, xin ý kiến của Sở Y tế.

3. Trách nhiệm của Sở Y tế:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Y tế có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật số 52/2010/QH12, Sở Tư pháp kiểm tra điều kiện của người nhận con nuôi trước khi giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi và giới thiệu người nhận con nuôi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi và trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh đảm bảo đăng tải kịp thời trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và đăng tải miễn phí

trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật số 52/2010/QH12.

Trong thời hạn thông báo trên phạm vi cấp tỉnh, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, Sở Tư pháp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Sau khi hết thời hạn thông báo, nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Sở Tư pháp gửi danh sách trẻ em cho Cục Hành chính tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi trên phạm vi toàn quốc.

c) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc, nếu công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em làm con nuôi thì liên hệ với Sở Tư pháp để xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm a khoản này.

Hết thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc mà không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống ở cơ sở nuôi dưỡng, Cục Hành chính tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài.

Đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật, trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, sau khi có thông báo của Cục Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng nếu trẻ em không được chăm sóc thay thế bằng hình thức phù hợp khác theo quy định pháp luật.

5. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp về việc đăng tin tìm gia đình thay thế cho trẻ em thì Văn phòng UBND tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh có trách nhiệm trong việc bảo đảm đăng tải kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc đăng tải miễn phí trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh thông tin về việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài. Công văn đề nghị cần nêu rõ nội dung cần xác minh.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh:

a) Xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh của Công an tỉnh cần kết

luận rõ ràng về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha, mẹ đẻ và chưa phát hiện vấn đề gì liên quan đến mua bán người.

Trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em để Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Trường hợp hồ sơ trẻ em thể hiện thông tin cha, mẹ đẻ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì Công an tỉnh nơi giải quyết việc nuôi con nuôi trực tiếp xác minh hoặc gửi văn bản đề nghị Công an cấp tỉnh nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em xác minh.

b) Rút ngắn tối đa thời hạn xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP để tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp trong trường hợp cần tiếp tục xác minh bổ sung về nguồn gốc của trẻ em.

Điều 7. Phối hợp trong việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài đối với trẻ em bị bỏ rơi

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi mà Công an cấp tỉnh xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ và Sở Tư pháp liên hệ được với cha, mẹ đẻ thì Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi.

b) Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ thực hiện niêm yết theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em có trách nhiệm niêm yết về việc trẻ em được cho làm con nuôi tại trụ sở trong thời hạn là 60 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Tư pháp thông báo về kết quả niêm yết tại địa phương.

Điều 8. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Việc xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm trẻ em đáp ứng đủ các yêu cầu về đối tượng, độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi, trường hợp phải thông qua thủ

tục giới thiệu, trường hợp được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật số 52/2010/QH12.

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có văn bản xin ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện đích danh theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.

c) Sau khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Cục Hành chính tư pháp hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật số 52/2010/QH12 kèm theo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài, văn bản xác minh của Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác;

Phối hợp cho ý kiến theo đề nghị của Sở Tư pháp kịp thời, đúng thời hạn để đảm bảo trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.

Điều 9. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi người nước ngoài

1. Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP làm con nuôi người nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài quy định tại Điều 35 Luật số 52/2010/QH12 và thực hiện như sau:

a) Trường hợp họp liên ngành thì thành phần gồm Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp (Chủ trì cuộc họp), đại diện lãnh đạo các sở ngành: Y tế; Công an tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện Ban Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng có trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến để liên ngành xem xét tư vấn việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi cho các đại biểu tham gia họp liên ngành ít nhất 03 ngày trước ngày họp phương án giới thiệu trẻ em kèm theo báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi.

Trong cuộc họp, các đại biểu tham gia họp liên ngành cho ý kiến, thảo luận về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp chủ trì họp liên ngành tổng hợp ý kiến và kết luận về phương án giới thiệu trẻ em.

Căn cứ vào kết luận của cuộc họp liên ngành, Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

b) Trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản thì Sở Tư pháp gửi công văn kèm theo phụ lục báo cáo đánh giá hồ sơ của trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi cho

các cơ quan, ban ngành nêu tại điểm a khoản 1 Điều này đề nghị cho ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, ban ngành được hỏi ý kiến có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, ban ngành hữu quan và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

2. Sau khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài của Sở Tư pháp. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài cho Cục Hành chính tư pháp. Trường hợp không đồng ý với việc giới thiệu của Sở Tư pháp, thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Sau 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý mà Sở Tư pháp không giới thiệu được thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Hành chính tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Điều 10. Phối hợp trong việc quản lý, sử dụng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và đảm bảo kinh phí cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi.

1. Trách nhiệm của cơ quan thu lệ phí:

Nộp toàn bộ lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP, Điều 7 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài.

2. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài:

a) Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bảo đảm cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

Nội dung chi được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 267/2016/TT- BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Một số mức chi chưa có quy định nhưng cần thiết để phục vụ công việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được vận dụng các mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này; đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành để tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, rút kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm việc tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 5 Quy chế này, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

3. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc rà soát, đánh giá và giải quyết việc nuôi con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 06/2025/NĐ-CP và Điều 10 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP.

4. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới.

5. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài có yếu tố nước ngoài tại địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, tử đúng theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi tại các cơ sở khám, chữa bệnh hoặc các sự kiện sinh khác theo yêu cầu của Công an tỉnh hoặc Sở Tư pháp.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở nuôi dưỡng rà soát danh sách trẻ em cần được nhận làm con nuôi theo quy định tại Điều điểm b khoản 1 Điều 68 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13.

4. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có).

Điều 13. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi người nước ngoài theo khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Đơn đốc, kiểm tra, ngăn chặn, phòng chống việc làm giả giấy tờ, hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài.

4. Tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có).

Điều 14. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.

2. Cử cán bộ tham gia họp liên ngành và tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài đúng thời hạn theo quy định của Luật Nuôi con nuôi.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở nuôi dưỡng

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp tại Quy chế này.

2. Báo cáo việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ nhân đạo của cha mẹ nuôi và tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 24/2019/NĐ-CP và khoản 9 Điều 16 Thông tư 08/2025/TT-BTP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp tại Quy chế này.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

Điều 17. Trách nhiệm của Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

1. Hỗ trợ việc đăng tải miễn phí thông báo tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trẻ em và về nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Theo dõi, đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi tại địa phương thực hiện việc lập dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài và việc thực hiện Quy chế này.

2. Bảo đảm, bố trí kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi tại địa phương và đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế này.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan phối hợp có trách nhiệm gửi văn bản phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện./.